

Số: 369/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp
trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 129/TTr-STNMT ngày 22/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp trên địa bàn tỉnh Sơn La nhằm ngăn chặn nhiễm bẩn các tầng chứa nước để bảo vệ nước dưới đất gồm 61 giếng trên địa bàn 05 phường, xã thuộc thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (chi tiết có Danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Tổ chức công bố, công khai Danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp trên địa bàn tỉnh Sơn La; thông báo đến UBND cấp huyện, UBND các xã, phường, thị trấn nơi có giếng không sử dụng phải trám lấp.

1.2. Trước ngày 15/12 hằng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) và UBND tỉnh về thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng trên địa bàn.

1.3. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình phê duyệt Danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm

toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

2. UBND các huyện, thành phố

2.1. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật trám lấp giếng cho các chủ giếng; đôn đốc, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng của chủ giếng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 10 (đối với giếng khoan), Điều 11 (đối với giếng đào) Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Định kỳ 06 tháng/lần (vào ngày 20/6 và 20/12), Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, lập danh sách giếng đã trám lấp trên địa bàn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. UBND các xã, phường, thị trấn

3.1. Niêm yết công khai Danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp tại trụ sở UBND cấp xã; thông báo tới chủ giếng để thực hiện việc trám lấp.

3.2. Giám sát việc thi công trám lấp giếng của chủ giếng trên địa bàn.

4. Chủ giếng

4.1. Có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm trám lấp giếng tới UBND xã, phường, thị trấn và tự tổ chức thi công trám lấp giếng của mình.

4.2. Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thi công trám lấp giếng không sử dụng, chủ giếng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới UBND cấp xã để theo dõi, tổng hợp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục quản lý tài nguyên nước – BTN&MT;
- Như Điều 3;
- Đài phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Báo Sơn La, Báo TN&MT;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



PHỤ LỤC

DANH MỤC GIẾNG KHÔNG SỬ DỤNG PHẢI TRÁM LẤP

(Kèm theo Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên giếng	Chủ giếng	Địa chỉ giếng	Địa chỉ chủ giếng	Loại giếng		Đường kính (mm)	Chiều sâu (m)	Tình trạng thực tế	Lý do phải trám, lấp
					Giếng khoan	Giếng đào				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	TP Sơn La									
1	Giếng đào	Trung tâm giống khu vực 1	Tổ 1, phường Chiềng Cơi	Tổ 1, phường Chiềng Cơi		x	2500	13	Không sử dụng	Đảm bảo an toàn, tránh gây ô nhiễm nguồn nước
2	Giếng khoan	Trung tâm giống khu vực 1	Tổ 1, phường Chiềng Cơi	Tổ 1, phường Chiềng Cơi	x		150	14	Không sử dụng	„
3	Giếng đào	Cộng đồng tổ 1	Tổ 1, phường Chiềng Cơi	Tổ 1, phường Chiềng Cơi		x	2500	7	Không sử dụng	„
4	Giếng đào	Cộng đồng tổ 1	Tổ 1, phường Chiềng Cơi	Tổ 1, phường Chiềng Cơi		x	2500	8	Không sử dụng	„
5	Huổi Hợ	Cộng đồng nhóm 3, bản Hợ	Bản Hợ, phường Chiềng Sinh	Bản Hợ, phường Chiềng Sinh		x	2500	3	Nước bản	Nước bản, không sử dụng được
6	Huổi Lót	Cộng đồng nhóm 3, bản Hợ	Bản Hợ, phường Chiềng Sinh	Bản Hợ, phường Chiềng Sinh		x	2000	2,5	Nước bản	„
7	Giếng khoan	Lò Văn Tân	Tổ 8, phường Chiềng Sinh	Tổ 8, phường Chiềng Sinh	x		110	50	Hỏng - không sử dụng	Không sử dụng
II	Huyện Mai Sơn									
II.1	Xã Chiềng Mai									
1		Tòng Thị Kết	Bản Mé Mận			x	85	10	Không có nước	KSD
2		Hà Thị Thúy	Bản Mé Mận			x	70	11	Không có nước	KSD
3		Tòng Văn Quý	Bản Mé Mận			x	90	10	Không có nước	KSD
4		Hoàng Thị Tuất	Bản Mé Mận			x	80	8	Không có nước	KSD
5		Nguyễn Đức Cường	Bản Mé Mận			x	90	12	Không có nước	KSD



STT	Tên giếng	Chủ giếng	Địa chỉ giếng	Địa chỉ chủ giếng	Loại giếng		Đường kính (mm)	Chiều sâu (m)	Tình trạng thực tế	Lý do phải trám, lấp
					Giếng khoan	Giếng đào				
6		Nguyễn Thế Biên	Bản Mé Mận			x	85	8,5	Không có nước	KSD
7		Lò Văn Xuân	Bản Mé Mận			x	82	7	Không có nước	KSD
8		Hà Văn May	Bản Mé Mận			x	70	8	Không có nước	KSD
9		Nguyễn Mạnh Giới	Bản Mé Mận			x	80	5	Không có nước	KSD
II.2 Xã Mường Bon										
1		Đàm Văn Thanh	Bản Tiến Xa			x	100	70	Không có nước	KSD
2		Đỗ Tràng Lưu	Bản Tiến Xa			x	100	80	Không có nước	KSD
3		Nguyễn Văn Cảnh	Bản Tiến Xa			x	100	74	Không có nước	KSD
4		Nguyễn Văn Dân	Bản Tiến Xa			x	100	60	Không có nước	KSD
5		Phạm Văn Tuấn	Bản Tiến Xa			x	100	80	Không có nước	KSD
6		Tòng Văn Bun	Bản Lắm			x	100	60	Không có nước	KSD
7		Tòng Văn Hòa	Bản Lắm			x	100	80	Không có nước	KSD
8		Tòng Văn Phong	Bản Lắm			x	100	50	Không có nước	KSD
9		Cầm Văn Nam	Bản Lắm			x	100	70	Không có nước	KSD
10		Hà Văn Dũng	Bản Lắm			x	100	40	Không có nước	KSD
11		Lò Văn Thường	Bản Lắm			x	100	70	Không có nước	KSD
12		Tòng Văn Diêu	Bản Lắm			x	100	80	Không có nước	KSD
13		Tòng Văn Chiến	Bản Lắm			x	100	70	Không có nước	KSD
14		Lò Văn Luân	Bản Un			x	100	40	Không có nước	KSD
15		Quảng Văn Mến	Bản Un			x	100	80	Không có nước	KSD
16		Quảng Văn Liên	Bản Un			x	100	60	Không có nước	KSD
17		Quảng Văn Song	Bản Un			x	100	70	Không có nước	KSD
18		Quảng Văn Sươi	Bản Un			x	100	50	Không có nước	KSD
19		Tòng Văn Inh	Bản Ở Tra			x	100	60	Không có nước	KSD
20		Hà Văn Thu	Bản Ở Tra			x	100	50	Không có nước	KSD
21		Tòng Văn Trường	Bản Ở Tra			x	100	40	Không có nước	KSD
22		Lò Văn Hải	Bản Ở Tra			x	100	50	Không có nước	KSD



STT	Tên giếng	Chủ giếng	Địa chỉ giếng	Địa chỉ chủ giếng	Loại giếng		Đường kính (mm)	Chiều sâu (m)	Tình trạng thực tế	Lý do phải trám, lấp
					Giếng khoan	Giếng đào				
23		Tông Văn Toán	Bản Ổ Tra		x		100	60	Không có nước	KSD
24		Hà Văn Phương	Bản Ổ Tra		x		100	80	Không có nước	KSD
25		Lò Văn Ủng	Bản Múm Đoàn Kết		x		100	60	Không có nước	KSD
26		Tông Văn Mai	Bản Tà xa		x		100	80	Không có nước	KSD
27		Tông Văn Tôn	Bản Tà xa		x		100	74	Không có nước	KSD
28		Hà Văn Thanh	Bản Tà xa		x		100	80	Không có nước	KSD
29		Vương Thị Huệ	Bản Mai Tiên		x		100	70	Không có nước	KSD
30		Nông Thị Thợi	Bản Bon		x		100	60	Không có nước	KSD
31		Tông Văn Chôm	Bản Bon		x		100	50	Không có nước	KSD
32		Trần Quốc Hợi	Bản Bon		x		100	50	Không có nước	KSD
33		Tạ Thị Duyên	Bản Bon		x		100	60	Không có nước	KSD
34		Nông Văn May	Bản Bon		x		100	80	Không có nước	KSD
35		Tông Văn Hoa	Bản Mé		x		100	80	Không có nước	KSD
36		Lường Văn Quân	Bản Mé		x		100	70	Không có nước	KSD
37		Lò Văn Điện	Bản Mé		x		100	60	Không có nước	KSD
38		Nông Văn Quý	Bản Mé		x		100	80	Không có nước	KSD
39		Tông Văn Hạnh	Bản Mé		x		100	60	Không có nước	KSD
40		Tông Văn Hải	Bản Nà Viên		x		100	50	Không có nước	KSD
41		Lò Văn Chiến	Bản Nà Viên		x		100	70	Không có nước	KSD
42		Mùa A Hờ	Bản Rừng Thông		x		100	80	Không có nước	KSD
43		Giàng A Tổng	Bản Rừng Thông		x		100	80	Không có nước	KSD
II.3 Xã Mường Bằng										
1		Giếng khoan tập thể bản	Bản Biềng Liềng Quỳnh		x		180	60	Không có nước	KSD
2		Giếng tập thể bản	Bản Nà Trai			x	200	8	Không có nước	KSD